

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG
NAM ĐỊNH

Số: 1720/QĐ-ĐDN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Nam Định, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa cấp I

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779 /QĐ-BYT ngày 07/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 1636/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa cấp I ngày 25 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng thẩm định Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa cấp I theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, gồm sáu chuyên ngành:

1. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Nội người lớn
2. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Ngoại người lớn
3. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Nội Sản phụ khoa
4. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Nhi khoa
5. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Tâm thần
6. Điều dưỡng chuyên khoa cấp I Cộng đồng

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chương trình được áp dụng từ năm học 2018-2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1368/QĐ-ĐDN ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Điều 3. Trưởng các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐTSĐH, TCKT.

HIỆU TRƯỞNG

(*đã ký*)

Lê Thanh Tùng

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1720/QĐ-ĐDN ngày 31 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định)*

Tên chương trình: **Chương trình đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa cấp I**

Trình độ đào tạo: **Chuyên khoa cấp I**

Ngành đào tạo: Điều dưỡng

Mã ngành đào tạo:

Hình thức đào tạo: Chính quy

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Nghị quyết 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI;

Quyết định 2653/QĐ-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Quyết định 1981/ QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016, Phê duyệt khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư 36/2014/TTLT-BGDĐT – BNV, ngày 28 tháng 11 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

Quyết định 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học

Công văn số 1632/BYT-K2ĐT ra ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế quy định đối với 2 môn ngoại ngữ và tin học, học viên có thể tự học nhưng phải dự thi đạt chuẩn đầu ra. Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành nghề và xác định phương pháp đánh giá phù hợp để đạt chuẩn đầu ra;

Công văn số 1828/BYT-K2ĐT ngày 04 tháng 4 năm 2018 về hướng dẫn đào tạo chuyên khoa I, chuyên khoa II và bác sỹ nội trú trong năm học 2018-2019;

Quyết định số 747/QĐ-ĐDN về việc ban hành Quy định đào tạo chuyên khoa cấp I theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 123/QĐ-ĐDN về việc sửa đổi và bổ sung Quy định đào tạo điều dưỡng chuyên khoa cấp I;

Quyết định số 175/QĐ-ĐDN, ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, về ban hành chuẩn đầu ra các ngành đào tạo của trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Quyết định số 739/QĐ-ĐDN, ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, về ban hành chuẩn đầu chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ Thạc sỹ và Chuyên khoa cấp I;

Quyết định số: 1352/QĐ-BYT ngày 24 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về Chuẩn năng lực cơ bản Điều dưỡng Việt Nam;

Thông tư liên tịch số 26/2015/TT- BYT – BNV, ngày 07 tháng 10 năm 2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo Điều dưỡng Chuyên khoa cấp I có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề

điều dưỡng ở trình độ Chuyên khoa cấp I có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2.2 Mục tiêu cụ thể

**** Về kiến thức***

Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về chăm sóc sức khỏe, ngành điều dưỡng chuyên khoa sâu; những nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình bệnh nhân làm trung tâm, có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.

**** Về kỹ năng***

- Hành nghề theo pháp luật của Nhà nước và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ và thành thạo, lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện qui trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh.
- Thực hành đảm bảo sự an toàn, đảm bảo chất lượng chăm sóc toàn diện ổn định và liên tục. Cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý nguy cơ.
- Sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.
- Thực hành chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh, có đủ khả năng cung cấp và hợp tác chăm sóc, thông tin giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng. Thực hiện mối quan hệ hợp tác với nhóm chăm sóc sức khỏe.
- Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng.
- Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch.
- Tổ chức thực hiện tốt y lệnh của thầy thuốc, đề xuất các biện pháp xử lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh.
- Áp dụng Y học cổ truyền trong công tác chăm sóc và phòng bệnh nội khoa.
- Tham gia công tác quản lý và công tác đào tạo các cán bộ điều dưỡng, nhân viên y tế và sinh viên, học viên tại các cơ sở thực hành đạt hiệu quả
- Áp dụng được các bằng chứng khoa học vào thực tế lâm sàng nhằm nâng cao chất lượng quản lý và chăm sóc người bệnh

*** Về thái độ**

- Người điều dưỡng Chuyên khoa cấp I thực hành nghề nghiệp theo luật pháp, chính sách của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

- Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức là việc hiệu quả trong thực hành nghề, chân thành hợp tác với đồng nghiệp.

- Tôn trọng quyền của người bệnh.

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời.

III. CHUẨN ĐẦU RA VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHUẨN ĐẦU RA

Lĩnh vực trong Chuẩn năng lực cơ bản	Chuẩn đầu ra	Tiêu chí đánh giá
Lĩnh vực: Thực hành chăm sóc	1. Ra quyết định, lựa chọn và thực hiện được biện pháp chăm sóc, kỹ thuật chăm sóc và giáo dục sức khỏe chuyên sâu theo chuyên ngành phù hợp 2. Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên chăm sóc một cách	- Nhận định người bệnh toàn diện, có hệ thống một cách thành thạo và đưa ra được các chẩn đoán điều dưỡng chính xác và các quyết định chăm sóc người bệnh an toàn và hiệu quả. - Phân tích được các nhu cầu về sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng. - Thực hiện thành thạo và tổ chức thực hiện các can thiệp điều dưỡng để hỗ trợ người bệnh. - Phát hiện sớm những thay đổi của người bệnh, ra các quyết định xử trí sơ cứu cấp cứu kịp thời, phù hợp. - Tổ chức thực hiện các kỹ thuật chăm sóc đảm bảo đúng quy trình và tuân thủ các quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn và quy tắc về an toàn.

	<p>hiệu quả và khoa học</p> <p>3. Tổ chức, điều phối, phân công và thực hiện được các sơ cứu khi có tình huống cấp cứu</p> <p>4. Xác định, phân tích được các nhu cầu, lên kế hoạch và sử dụng các phương tiện nghe nhìn hiệu quả trong giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng</p>	<p>- Chủ trì và tổ chức thực hiện dùng thuốc cho người bệnh an toàn và hiệu quả, đánh giá được hiệu quả của việc dùng thuốc.</p> <p>- Phối hợp với người bệnh, người nhà và đồng nghiệp trong chăm sóc liên tục và giáo dục sức khỏe cho người bệnh hiệu quả.</p>
<p>Lĩnh vực: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp</p>	<p>5. Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn lực trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả</p> <p>6. Đánh giá được các bằng chứng khoa học để áp dụng được vào trong thực hành chăm sóc người</p>	<p>- Ghi chép, tổ chức ghi chép, sử dụng hồ sơ bệnh án đúng quy định</p> <p>- Quản lý, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị trong chăm sóc sức khỏe người bệnh.</p> <p>-Tham gia thực hiện hoặc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc.</p> <p>- Tìm kiếm được các bằng chứng liên quan đến chăm sóc điều dưỡng và áp dụng các bằng chứng đó để nâng cao chất lượng chăm sóc.</p> <p>- Đưa ra các đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh</p>

	<p>bệnh nhằm tăng cường chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh</p> <p>7. Tham gia vào việc đào tạo nâng cao trình độ, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội</p> <p>8. Giao tiếp hiệu quả và nhận biết tâm lý nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh</p> <p>9. Có năng lực tự học, phát triển bản thân, phát triển nghề điều dưỡng trên cơ sở khai thác, sử dụng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp và các kiến thức chuyên ngành.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được các mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh, gia đình, cộng đồng để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc - Có khả năng lập kế hoạch, ra quyết định và điều hành công việc của nhóm - Xác định được mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân. - Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc người bệnh. - Tham gia đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp. - Xác định và phân tích được nhu cầu và nội dung cần hướng dẫn giáo dục sức khỏe của cá nhân, gia đình và cộng đồng. - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng. - Biên soạn và tổ chức biên soạn tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng. - Thực hiện và tổ chức thực hiện tư vấn truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả. - Xác định được mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> - Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc người bệnh. - Liên tục cập nhật thông tin, bổ sung kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm nâng cao trình độ về mọi mặt cho bản thân, tích cực xây dựng và phát triển ngành. - Có trình độ ngoại ngữ tiếng anh B1 (trương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) hoặc các ngoại ngữ khác tương đương theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo cho đối tượng tốt nghiệp trước năm 2019. - Có khả năng sử dụng phần mềm thống kê y học trong nghiên cứu.
<p>Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp</p>	<p>10. Vận dụng hiệu quả các chính sách liên quan đến lĩnh vực chăm sóc</p> <p>11. Tổ chức và thực hiện thực hành nghề nghiệp theo quy định pháp luật liên quan đến ngành nghề</p> <p>12. Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hệ thống các nguyên tắc, phương pháp và phương pháp luận của triết học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương đường lối của Đảng, qui định của luật pháp, chính sách của Nhà nước đối với công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân. - Hành nghề phù hợp với năng lực chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật và chuẩn đạo đức nghề nghiệp. - Tôn trọng các quyền của người bệnh, lấy người bệnh và gia đình người bệnh làm trung tâm trong các hoạt động nghề nghiệp. - Yêu nghề, hết lòng phục vụ người bệnh, tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao

	tốt các quy tắc ứng xử theo luật định	sức khỏe nhân dân. Khiêm tốn, tôn trọng và hợp tác chân thành với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.
--	---------------------------------------	--

IV. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 1-2 năm

V. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 60 tín chỉ

VI. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo Quyết định 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học

VII. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ TRÌNH ĐỘ TỐT NGHIỆP: Theo các điều khoản được quy định trong Quyết định số 747/QĐ-ĐDN về việc ban hành Quy định đào tạo chuyên khoa cấp I theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 123/QĐ-ĐDN về việc sửa đổi và bổ sung Quy định đào tạo điều dưỡng chuyên khoa cấp I của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

VIII. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 và quy đổi theo quy chế đào tạo Điều dưỡng chuyên khoa cấp I (ban hành kèm theo Quyết định số 747/QĐ-ĐDN ngày tháng năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về Quy định đào tạo chuyên khoa cấp I)

IX. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1 Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

Khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc chọn
Kiến thức chung	3	8	6/54
Kiến thức cơ sở/bổ trợ	6	10	
Kiến thức ngành và chuyên	39	36	
Tốt nghiệp	6		
Tổng	60		

9.2. Chương trình đào tạo các chuyên ngành

9.2.1 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành nội khoa

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (Số tiết)	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	
Kiến thức chung							
Bắt buộc							
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
Tự chọn							
2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
Kiến thức cơ sở/bổ trợ							
Bắt buộc							
1	PSY805	Tâm lý y học	2 (30)	2 (30)	0		
2	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30)	2 (30)	0		
Tự chọn							
4	ANA 808	Giải phẫu – Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
Kiến thức ngành/chuyên ngành							
* Bắt buộc							
1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	

2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
4	NR816	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4 (60)	4 (60)	0	0	
5	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
6	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	
7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
9	NR610	Điều dưỡng nội tim mạch	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR611	Điều dưỡng nội hô hấp	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
11	NR612	Điều dưỡng nội tiết niệu	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
12	NR613	Điều dưỡng nội tiêu hóa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
13	NR614	Điều dưỡng nội nội tiết và chuyển hóa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
14	NR615	Điều dưỡng nội huyết học – miễn dịch	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
15	NR616	Điều dưỡng nội hồi sức cấp cứu	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
16	NR617	Điều dưỡng nội cơ – xương – khớp	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	

Tự chọn						
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)
8	NR828	Điều dưỡng thần kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)
10	NR830	Dinh dưỡng/VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0
11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)
Học phần tốt nghiệp						
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)	
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)			

9.2.2 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành ngoại khoa

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (Số tiết)	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	
Kiến thức chung							
Bắt buộc							
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
Tự chọn							
2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
Kiến thức cơ sở/bổ trợ							
Bắt buộc							
1	PSY805	Tâm lý y học	2 (30)	2 (30)	0		
2	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30)	2 (30)	0		
Tự chọn							
4	ANA808	Giải phẫu - Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
Kiến thức ngành/chuyên ngành							
* Bắt buộc							
1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	

2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
4	NR816	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4 (60)	4 (60)	0	0	
5	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
6	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	
7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
9	NR620	Điều dưỡng ngoại khoa cơ bản	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
10	NR621	Điều dưỡng ngoại khoa tiêu hóa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
11	NR622	Điều dưỡng ngoại khoa gan mật	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
12	NR623	Điều dưỡng ngoại khoa tiết niệu	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
13	NR624	Điều dưỡng chấn thương cơ bản	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
14	NR625	Điều dưỡng chấn thương chỉnh hình	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
15	NR626	Điều dưỡng sọ não cột sống	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	

Tự chọn						
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)
7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)
8	NR828	Điều dưỡng thần kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)
10	NR830	Dinh dưỡng và VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0
11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)
Học phần tốt nghiệp						
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)	
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)			

9.2.3 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành sản phụ khoa

Mã HP	Tên học phần	Phân bố tín chỉ
--------------	---------------------	------------------------

T			Tổng số tín chỉ (Số tiết)	LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	Ghi chú
	Kiến thức chung						
	Bắt buộc						
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
	Tự chọn						
2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
	Kiến thức cơ sở/bổ trợ						
	Bắt buộc						
1	PSY805	Tâm lý học y học	2 (30)	2 (30)	0		
2	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30)	2 (30)	0		
	Tự chọn						
4	ANA808	Giải phẫu - Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
	Kiến thức ngành/chuyên ngành						
*	Bắt buộc						

1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	
2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
4	NR816	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4 (60)	4 (60)	0	0	
5	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
6	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	
7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
9	NR630	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học nâng cao	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
10	NR631	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trong thời kỳ mang thai	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
11	NR632	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ trong chuyên dạ đẻ	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
12	NR633	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
13	NR634	Dân số - truyền thông về KHHGD & SKSS	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Tự chọn							
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	

2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
8	NR828	Điều dưỡng thận kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR830	Dinh dưỡng và VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Học phần tốt nghiệp							
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)		
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)				

9.2.4 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành nhi khoa

T T	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (Số tiết)	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	

	Kiến thức chung						
	Bắt buộc						
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
	Tự chọn						
2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
	Kiến thức cơ sở/bổ trợ						
	Bắt buộc						
1	PSY805	Tâm lý học y học	2 (30)	2 (30)	0		
2	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30)	2 (30)	0		
	Tự chọn						
4	ANA808	Giải phẫu - Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
	Kiến thức ngành/chuyên ngành						
*	Bắt buộc						
1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	
2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
4	NR816	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4 (60)	4 (60)	0	0	

5	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
6	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	
7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
9	NR660	Điều dưỡng nhi khoa cấp cứu sơ sinh	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR661	Điều dưỡng nhi tuần hoàn – hô hấp	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
11	NR662	Điều dưỡng nhi tiêu hóa dinh dưỡng	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
12	NR663	Điều dưỡng nhi thận – nội tiết	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
13	NR664	Điều dưỡng nhi huyết học – ung thư	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
14	NR665	Điều dưỡng nhi truyền nhiễm	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
15	NR666	Điều dưỡng ngoại nhi	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Tự chọn							
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	

4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
8	NR828	Điều dưỡng thần kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR830	Dinh dưỡng và VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Học phần tốt nghiệp							
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)		
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)				

9.2.5 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành tâm thần

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (Số tiết)	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	
Kiến thức chung							
Bắt buộc							
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
Tự chọn							

2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		
3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
Kiến thức cơ sở/bổ trợ							
Bắt buộc							
1	PSY805	Tâm lý học y học	2 (30)	2 (30)	0		
2	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
3	PHI807	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30)	2 (30)	0		
Tự chọn							
4	ANA808	Giải phẫu - Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
8	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
Kiến thức ngành/chuyên ngành							
* Bắt buộc							
1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	
2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
4	NR816	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	4 (60)	4 (60)	0	0	
5	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
6	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	

7	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
8	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
9	NR640	Rối loạn tâm thần thực tồn	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR641	Điều dưỡng các bệnh tâm căn	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
11	NR642	Điều dưỡng các bệnh tâm thần nội sinh	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
12	NR643	Điều dưỡng tâm thần người già	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
13	NR644	Điều dưỡng tâm thần trẻ em	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
14	NR645	Các liệu pháp chăm sóc, điều trị, quản lý bệnh tâm thần	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Tự chọn							
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	

7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
8	NR828	Điều dưỡng thần kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
10	NR830	Dinh dưỡng/VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
Học phần tốt nghiệp							
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)		
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)				

9.2.6 Chương trình đào tạo chuyên khoa I chuyên ngành y tế công cộng

T T	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (Số tiết)	Phân bố tín chỉ			Ghi chú
				LT (Số tiết)	TH (Số tiết)	LS (Số tiết)	
Kiến thức chung							
Bắt buộc							
1	PHIL801	Triết học sau đại học	3 (45)	3 (45)	0		
Tự chọn							
2	INF802	Tin học nâng cao	2 (30)	2 (30)	0		

3	ENG803	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 1	3 (45)	3 (45)	0		
4	ENG804	Tiếng anh giao tiếp nâng cao 2	3 (45)	3 (45)	0		
Kiến thức cơ sở/bổ trợ							
Bắt buộc							
1	ECH811	Kinh tế y tế	2 (30)	2 (30)	0		
2	AHS812	Thống kê y học nâng cao	2 (45)	1 (15)	1 (30)		
3	EPI813	Dịch tế học	2 (30)	2 (30)	0		
Tự chọn							
4	ANA808	Giải phẫu - Mô	2 (30)	2 (30)	0		
5	BIO809	Vi sinh vật – ký sinh trùng	2 (30)	2 (30)	0		
6	ETN810	Đạo đức điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0		
7	PSY805	Tâm lý y học	2 (30)	2 (30)	0		
8	PHA806	Dược lâm sàng	2 (30)	2 (30)	0		
Kiến thức ngành/chuyên ngành							
*	Bắt buộc						
1	NR813	Nhận định thể chất và sức khỏe	4 (110)	2 (30)	1 (30)	1 (50)	
2	NR814	Học thuyết điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
3	NR816	Nghiên cứu khoa học	4 (60)	4 (60)	0	0	
4	PHS818	Chính sách y tế và hệ thống CSSK VN	2 (30)	2 (30)	0	0	
5	NR820	Thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
6	NR650	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
7	NR651	Điều dưỡng sức khỏe nghề nghiệp	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	

8	NR652	Điều dưỡng cộng đồng I	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
9	NR653	Điều dưỡng cộng đồng II	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
10	NR815	Phương pháp giảng dạy điều dưỡng	3 (45)	3 (45)	0	0	
11	NR 654	Dân số và phát triển	2	2 (30)	0	0	
12	NR 655	Sức khỏe môi trường	2	2 (30)	0	0	
13	NR 656	Quản lý y tế	3	3 (45)	0	0	
Tự chọn							
1	NR821	Điều dưỡng nhi khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
2	NR822	Điều dưỡng nội người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
3	NR823	Điều dưỡng ngoại người lớn	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
4	NR824	Điều dưỡng tâm thần	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
5	NR825	Điều dưỡng cộng đồng	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
6	NR826	Điều dưỡng sản phụ khoa	4 (130)	2 (30)	0	2 (100)	
7	NR827	Điều dưỡng lão khoa	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
8	NR828	Điều dưỡng thần kinh	2 (65)	1 (15)	0	1 (50)	
9	NR829	Điều dưỡng thảm họa	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	

11	NR831	Chăm sóc người bệnh bằng y học cổ truyền	3 (115)	1 (15)	0	2 (100)	
12	NR830	Dinh dưỡng/VSATTP	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
13	NR833	Bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
14	NR834	Phòng chống HIV/AIDS	2 (30)	2 (30)	2 (30)	0	
15	NR835	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	3 (60)	2 (30)	1 (30)	0	
16	NR817	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng	2 (30)	2 (30)	0	0	
17	NR819	Điều dưỡng thực hành nâng cao	2 (30)	2 (30)	0	0	
Học phần tốt nghiệp							
1	NR670	Thực tế tốt nghiệp	3 (35)	0	3 (35)		
2	NR671	Chuyên đề tốt nghiệp	3 (35)				